**Mẫu số 37. BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số … ngày … tháng … năm … của HĐND …[[1]](#footnote-1)[50])*

*ĐVT: 1.000 đồng/m2*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên đơn vị hành chính** | **Giá đất** | | | |
| **VT1** | **VT2** | **VT3** | **...** |
| 1 | Xã/Phường/ ….. |  |  |  |  |
| 2 | Xã/Phường/ ...... |  |  |  |  |
| ... | Xã/Phường/ ...... |  |  |  |  |

**Mẫu số**

1. [50] Cụm từ “Quyết định số … ngày … tháng … năm … của UBND …” được thay thế bằng cụm từ “Nghị quyết số … ngày … tháng … năm … của HĐND …” theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 7 của Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2025. [↑](#footnote-ref-1)